

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B, TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2017/HNGĐ-ST

Ngày 30/6/2017

V/v Ly hôn giữa chị Mùa Thị C và
anh Vàng A C

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Văn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Đức Toàn và Ông Mùa A Vàng.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đinh Thị Viên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Lê Duy Hưng, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2017/TLST – HNGĐ, ngày 24/3/2017 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2017/QĐST – HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Mùa Thị C, trú tại: Bản K, xã H, huyện B, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Bị đơn: Vàng A C, trú tại: Bản K, xã H, huyện B, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội – Phòng giao dịch huyện B, địa chỉ: Tiểu khu 1, thị trấn B, huyện B, tỉnh Sơn La. Đại diện là ông Vũ Đình T - Giám đốc, ủy quyền cho ông Nguyễn Văn T, tổ trưởng tổ giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội – Phòng giao dịch huyện B, theo giấy ủy quyền số 111a/GUQ-NHCS ngày 28 tháng 6 năm 2017. Có mặt.

- Người phiên dịch: Mùa A C, trú tại: Bản P, xã N, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 27/02/2017, bản tự khai ngày 23/3/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Mùa Thị C trình bày: Chị C và anh Vàng A C tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1993 đến nay không đăng ký kết hôn, chỉ cưới hỏi theo phong tục tập quán của dân tộc Mông. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Vàng A C thường xuyên uống rượu say về

đánh đập vợ con, không chung thủy với vợ, không quan tâm đến gia đình vợ con, đến tháng 09/2016 mâu thuẫn trở nên trầm trọng, khi anh C đưa bạn gái là Sông Thị T về ở nhà. Chị C xin được ly hôn. Trong quá trình chung sống anh chị có bốn con chung là cháu Vàng Thị S, sinh năm 1996 (cháu đã đi lấy chồng và làm dâu bên huyện Y); Vàng Páo C, sinh ngày 01/01/1999 đã thành niên; còn lại hai cháu là Vàng A T, sinh ngày 01/01/2001; Vàng Thị D, sinh ngày 01/01/2003; còn nhỏ chưa đủ 18 tuổi. Chị C đề nghị được trực tiếp nuôi cả hai cháu Vàng A T và Vàng Thị D, hiện tại hai cháu đang ở với chị, cả hai cháu đều có nguyện vọng được ở với chị Mùa Thị C, chị C không đề nghị anh Vàng A C cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung anh chị có 08 mảnh đất nương (chưa có quyền sử dụng đất) do bố mẹ anh C cho và anh chị tự khai hoang, 01 gian nhà gỗ 03 gian và đất ở tổng trị giá 6.000.000 đồng, 01 chiếc xe Wave tàu trị giá 500.000 đồng, 01 ao cá 150 m², 01 máy khâu vắt sổ trị giá 5.000.000 đồng, 03 con lợn trị giá 5.500.000 đồng, 08 bao thóc trị giá 2.450.000 đồng nguyện vọng của chị là được chia 01 chiếc máy khâu, 01 con lợn cái khoảng 30kg, 04 bao thóc mỗi bao nặng 40kg, ngoài ra chị không lấy tài sản khác. Về vay nợ chung anh chị có vay nợ của Ngân hàng chính sách xã hội – Phòng giao dịch huyện B số tiền 10.000.000 đồng, chị C yêu cầu anh C phải có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ trên.

Tại biên bản ghi lời khai và tại phiên hòa giải anh Vàng A C trình bày: Anh và chị Mùa Thị C có được tìm hiểu và lấy nhau năm 1993 không đăng ký kết hôn, hôn nhân của anh chị được tổ chức theo phong tục tập quán của dân tộc Mông vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu đến năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Tuy nhiên, hiện tại anh vẫn còn tình cảm với chị Mùa Thị C và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị quay lại đoàn tụ. Trong trường hợp chị C cương quyết ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Vàng A T và giao cháu Vàng Thị D cho chị Mùa Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung anh nhất trí chia cho chị C 01 chiếc máy khâu, 01 con lợn 30 kg, 04 bao thóc mỗi bao 40kg; Số tài sản còn lại không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về vay nợ chung anh chị có vay nợ của Ngân hàng chính sách xã hội – Phòng giao dịch huyện B số tiền 10.000.000 đồng, anh đã trả được 5.000.000 đồng còn lại 5.000.000 đồng anh nhất trí trả hết số nợ còn lại. Tại phiên tòa anh C lại thay đổi ý kiến, anh C đề nghị được trực tiếp nuôi cả hai cháu Vàng A T và Vàng Thị D; Về tài sản không nhất trí chia cho chị C bất kể một tài sản gì; về nợ chung yêu cầu chị C phải trả nợ cho Ngân hàng; Ngoài ra anh C còn trình bày có nợ một số người thân quen số tiền hơn 30 triệu đồng yêu cầu chị C phải có trách nhiệm trả nợ.

Tại bản tự khai ngày 28/4/2017 và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đại diện Ngân hàng chính sách xã hội – Phòng giao dịch huyện B trình bày: Vợ chồng anh Vàng A C và chị Mùa Thị C có vay nợ của Ngân hàng chính sách xã hội – Phòng giao dịch huyện B món vay số 600000160002369 (chương trình giảm nghèo) số tiền gốc: 10.000.000 đồng, ngày vay 14/4/2013, ngày đến hạn 14/4/2017 (Được gia hạn nợ đến ngày 13/5/2017). Hiện anh Vàng A C đã trả được 5.000.000 đồng, còn lại 5.000.000 đồng và tiền lãi xuất, Ngân

hàng chính sách xã hội – Phòng giao dịch huyện B đề nghị anh Vàng A C có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng.

Phát biểu của Kiểm sát viên: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục của vụ án dân sự. Về việc giải quyết vụ án về quan hệ hôn nhân đề nghị không công nhận quan hệ giữa chị Mùa Thị C và anh Vàng A C là quan hệ vợ chồng; về con chung giao hai cháu Vàng A T, Vàng Thị D cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng anh C không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung đề nghị chia cho chị C 01 chiếc máy khâu, 01 con lợn 30 kg, 04 bao thóc mỗi bao 40kg; Số tài sản còn lại đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung số nợ Ngân hàng 5.000.000 đồng và lãi xuất còn lại, anh C có trách nhiệm trả cho Ngân hàng chính sách – Phòng giao dịch huyện B theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về hôn nhân: Năm 1993 chị Mùa Thị C và anh Vàng A C đã tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng cho đến nay, nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Theo quy quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, thì Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Khi yêu cầu ly hôn theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án thụ lý tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng, do đó quan hệ hôn nhân giữ chị Mùa Thị C và anh Vàng A C không được pháp luật công nhận là quan hệ vợ chồng như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

Về con chung: Chị Mùa Thị C và anh Vàng A C xác định anh chị có bốn con chung là cháu Vàng Thị S đã lấy chồng, Vàng Páo C đã lớn đủ 18 tuổi, còn lại hai cháu là Vàng A T và Vàng Thị D là người chưa thành niên; chị C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai cháu Vàng A T và cháu Vàng Thị D. Anh C cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai cháu T và cháu D. Xét thấy, anh Vàng A C và chị Mùa Thị C đều làm nương rẫy, thu nhập theo mùa vụ không ổn định, chị Mùa Thị C là lao động chính làm nương rẫy nuôi cả gia đình, cháu Vàng A T và cháu Vàng Thị D đã bỏ học để phụ giúp mẹ, các cháu hiện vẫn đang sống với chị C, bản thân hai cháu cũng có nguyện vọng được ở với mẹ, Ủy ban nhân dân xã H cũng đã xác minh việc cháu D và cháu T ở với chị C thì sẽ đảm bảo các điều kiện ăn ở tốt hơn cho hai cháu.

Đối với anh Vàng A C bản thân là trụ cột, lao động chính trong gia đình, nhưng trên thực tế anh C ít tham gia lao động sản xuất, thường xuyên say rượu rồi đánh đập vợ con (Theo Biên bản xác minh của UBND xã H) gây ảnh hưởng đến tâm sinh lý của các cháu khi đang tuổi trưởng thành. Như vậy, xét các điều kiện

đề trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung hàng ngày đối với chị Mùa Thị C là đảm bảo tốt hơn anh C và Chị C không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung trong thời điểm hiện tại là có cơ sở, việc anh C trình bày chị C có thời gian sang Trung Quốc nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh. Căn cứ vào các Điều 15, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận nguyện vọng của chị Mùa Thị C và giao các cháu Vàng A T, Vàng Thị D cho chị Mùa Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; anh C không phải nộp tiền cấp dưỡng nuôi con chung, được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản trở.

Về tài sản chung: Về tài sản chung anh chị có 08 mảnh đất nương (chưa có quyền sử dụng đất) do bố mẹ anh C cho và anh chị tự khai hoang, 01 gian nhà gỗ 03 gian và đất ở tổng trị giá 6.000.000 đồng, 01 chiếc xe Wave tàu trị giá 500.000 đồng, 01 ao cá 150 m², 01 máy khâu vắt sổ trị giá 5.000.000 đồng, 03 con lợn trị giá 5.500.000 đồng, 08 bao thóc trị giá 2.450.000 đồng nguyện vọng của chị là được chia 01 chiếc máy khâu, 01 con lợn cái khoảng 30kg, 04 bao thóc mỗi bao 40kg, ngoài ra chị không lấy tài sản khác. Về vay nợ chung anh chị có vay nợ của Ngân hàng chính sách xã hội – Phòng giao dịch huyện B số tiền 10.000.000 đồng, chị C yêu cầu anh C phải có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ trên. Xét yêu cầu của chị C chia tài sản là có căn cứ bởi lẽ toàn bộ số tài sản trên là tài sản chung của anh C và chị C, việc chia tài sản phù hợp theo quy định của pháp luật. Đối với khoản nợ Ngân hàng chính sách chị C yêu cầu anh C trả nợ lý do chị C chỉ lấy một phần nhỏ trong khối tài sản để nuôi con, còn lại để lại hết cho anh C; Về phía đại diện Ngân hàng chính sách cũng đề nghị anh C phải có trách nhiệm trả nợ vì anh C là người đứng tên vay nợ và thế chấp nhà đất. Đối với anh C tại phiên tòa thay đổi ý kiến, không nhất trí chia tài sản và trả nợ Ngân hàng lý do anh C đưa ra là do chị C tự ý bỏ anh C, lý do anh C đưa ra là không chính đáng bởi nguyên nhân chị C bỏ anh C là lỗi tại anh C thường xuyên uống rượu say về đánh đập chị C, không chung thủy với chị C cũng như không quan tâm đến gia đình vợ con. Do đó cần vận dụng các Điều 210, 218, 219 và Điều 466 Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu của chị C về chia tài sản và trả nợ Ngân hàng.

Ngoài ra tại phiên tòa anh C khai còn nợ người ngoài số tiền trên 30 triệu đồng nhưng anh C không xuất trình được là nợ ai, ở đâu và giấy tờ tài liệu để chứng minh số nợ trên và chị C cũng không công nhận số nợ trên, nên không có cơ sở xem xét giải quyết.

Về án phí: Theo xác nhận của Ủy ban nhân dân xã H, huyện B thì hộ gia đình chị Mùa Thị C, anh Vàng A C thuộc diện hộ nghèo; Căn cứ vào điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì Chị Mùa Thị C và anh Vàng A C thuộc trường hợp được miễn án phí. Số tiền tạm ứng án phí của chị C được hoàn trả lại theo quy định.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 14 và các Điều 15, 16, 53, 81, 82, 83, 107, 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 210, 218, 219 và Điều 466 Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Mùa Thị C và anh Vàng A C.

2. Về con chung: Giao cháu Vàng A T, sinh ngày 01/01/ 2001 và cháu Vàng Thị D, sinh ngày 01/01/2003 cho chị Mùa Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu thành niên đủ 18 tuổi. Anh Vàng A C không phải cấp dưỡng nuôi con chung, được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chia cho chị Mùa Thị C 01 chiếc máy khâu trị giá 5.000.000 đồng (tài sản này chị Mùa Thị C đang giữ); 01 con lợn cái khoảng 30kg trị giá 1.500.000 đồng; 04 bao thóc, mỗi bao nặng 40kg (số tài sản này anh Vàng A C đang giữ). Số tài sản khác không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Buộc anh Vàng A C có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Chính sách - Phòng giao dịch huyện B, tỉnh Sơn La số tiền nợ gốc còn lại là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) và tiền lãi theo món vay số 600000160002369 (chương trình giảm nghèo) ngày vay 14/4/2013.

5. Về án phí: Miễn án phí cho chị Mùa Thị C và anh Vàng A C. Chị Mùa Thị C được hoàn trả lại 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số AA/2013/02905 ngày 24/3/2017 của Chi cục thi hành án huyện B, tỉnh Sơn La.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Thái Văn Tùng